

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 18 /5 /2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

2. Ông Nguyễn Quang Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/ 4/ 2018 và ngày 18/ 5/ 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1960.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Khu T, phường K, TP. B, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1954. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Ông Ngô Văn M và vợ chồng ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị L có mối quan hệ quen biết nhau. Từ tháng 9/2004 đến tháng 4 năm 2008 ông Ngô Văn M có vay tiền của ông D và bà Lý nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 28/9/2004 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 6.000.000đ lãi suất 2,5%/1 tháng.

Ngày 02/10/2004 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 3.000.000đ lãi suất 2,5%/1 tháng.

Ngày 15/01/2005 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 3.000.000đ lãi suất 3%/1 tháng.

Ngày 22/02/2005 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 4.300.000đ lãi suất 2,5%/1 tháng.

Ngày 09/3/2005 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 5.000.000đ lãi suất 2,5%/1 tháng.

Ngày 03/7/2005 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 2.000.000đ lãi suất 3%/1 tháng.

Ngày 04/01/2005 ông M vay của ông D và bà L số tiền: 2.000.000đ lãi suất 3%/1 tháng.

Tổng cộng các lần số tiền vay là 25.300.000đ. Nay ông D và bà L yêu cầu ông Ngô Văn M phải trả số tiền nợ gốc 25.300.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ông Ngô Văn M trình bày: Ông M có quen biết ông D và bà L, do biết ông D và bà L có tiền cho vay lãi nên ông M đã đứng ra vay hộ 03 người quen. Những lần vay đều có viết biện nhận và thỏa thuận về lãi suất theo ông D và bà L đã trình bày. Sau khi vay ông M đã nhiều lần trả tiền gốc và trả được 2.220.000đ tiền lãi cụ thể trả các lần như sau:

Ngày 25/12/2008 trả 6.000.000đ nợ gốc, không trả lãi.

Ngày 14/4/2008 trả 7.300.000đ nợ gốc và trả lãi 2.220.000đ.

Ngày 18/4/2008 trả 5.000.000đ nợ gốc, không trả lãi.

Ngày 28/10/2008 trả 1.000.000đ nợ gốc, không trả lãi.

Tổng cộng cả gốc và lãi đã trả là 21.520.000đ.

Nay ông D, bà L yêu cầu trả tiền ông M nhất trí trả 6.000.000đ tiền nợ gốc và đề nghị tòa án trừ số tiền đã trả và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bà Ngô Thị H trình bày: bà H là vợ ông M, khi ông M vay tiền của ông D và bà L hộ người nhà có bàn bạc với bà H và bà H có biết việc vay nợ này. Theo bà H được biết sau khi vay ông M đã trả hết tiền gốc, còn nợ lại tiền lãi chưa trả hết, khi ông D và bà L đòi bà H có biết và cũng nói với ông D và bà L khi nào người mà ông M vay hộ trả hết thì bà H và ông M sẽ trả ông D và bà L, bà H và ông M không có khả năng trả hộ.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, và thông nhất đề nghị tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,75%/ 1 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng,

đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xử áp dụng các điều 471; 474; 476- Bộ Luật dân sự năm 2005.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Buộc ông Ngô Văn M phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 6.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 11.111.250đồng.

Trả lại ông Phạm Văn D số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho ông Ngô Văn M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ các tài liệu do phía Nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các đương sự thể hiện, quan hệ giữa ông Ngô Văn M, ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L có mối quan hệ quen biết. Khi biết ông D có tiền cho vay lãi nên ông M đã vay tiền của ông D, bà L nhiều lần với tổng số tiền 25.300.000đ. Sau khi vay ông M đã thanh toán trả cho ông D và bà L được tổng số tiền nợ gốc là 19.300.000đ và 2.220.000đ tiền lãi suất. Nay theo ông M chỉ còn nợ ông D và bà Lý số tiền nợ gốc là 6.000.000đồng và tiền lãi phát sinh các khoản đã vay. Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông M thỏa thuận ông M có nghĩa vụ trả cho ông D và bà L tổng số tiền cả gốc và lãi là 16.250.000đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn có đơn đề nghị thay đổi sự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ thể hiện tại các biên nhận vay và trả tiền, cần buộc ông M phải trả ông D và bà L và được trừ vào các khoản tiền đã trả và phải chịu lãi suất theo từng thời điểm trả nợ. Tổng số nợ gốc $25.300.000đ - 19.300.000đ = 6.000.000đ$ (Sáu triệu đồng).

Về lãi suất: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,75%/1 tháng. Vì vậy, cần áp dụng lãi suất là 0,75% theo quy định của BLDS năm 2005 và tính từng thời gian vay và trả cụ thể:

1- Ngày 28/9/2004 vay 6.000.000đ; ngày 25/12/2008 trả 6.000.000đ chưa có lãi. Từ ngày 28/9/2004 đến ngày 25/12/2008 làm tròn là 51 tháng: $6.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 51 \text{ tháng} = 2.295.000đ$ đồng.

2- Ngày 02/10/2004 vay 3.000.000đ; ngày 21/4/2008 trả 3.000.000đ chưa có lãi. Từ ngày 02/10/2004 đến ngày 21/4/2008 là 42 tháng 19 ngày: $3.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 42 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 959.250đ$ đồng.

3-Ngày 22/02/2005 vay 4.300.000đồng; ngày 21/4/2008 trả 4.300.000đ chưa có lãi. Từ ngày 22/02/2005 đến ngày 21/4/2008 là 38 tháng: $4.300.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} = 1.227.000đ$.

4-Ngày 09/3/2005 vay 5.000.000đ; ngày 18/4/2008 trả 5.000.000đ chưa có lãi. Từ ngày 09/3/2005 đến ngày 18/4/2008 là 37 tháng 09 ngày: $5.000.000đ \times 0,75\% /1 \text{ tháng} \times 37 \text{ tháng} 09 \text{ ngày} = 1.398.750đ$ ồng.

5-Ngày 03/7/2005 vay 2.000.000đ; ngày 28/10/2008 trả 1.000.000đ chưa có lãi. Từ ngày 03/7/2005 đến ngày 28/10/2008 là 38 tháng 25 ngày: $1.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 38 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 291.250đ$ ồng.

Như vậy số tiền lãi là: 6.171.250đ.

Đối với số tiền nợ gốc 6.000.000đ chưa trả tính đến ngày 18/5/2018 gồm:

1-Ngày 15/01/2005 vay 3.000.000đ tính đến ngày 18/5/2018 là 160 tháng 03 ngày: $3.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 160 \text{ tháng} 03 = 3.602.250đ$ ồng.

2-Ngày 03/7/2005 vay 1.000.000đ tính đến ngày 18/5/2018 là 153 tháng 15 ngày: $1.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 153 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 1.150.750đ$.

3-Ngày 04/01/2005 vay 2.000.000đ tính đến ngày 18/5/2018 là 160 tháng 14 ngày: $2.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 160 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 2.407.000đ$.

Như vậy số lãi của tiền nợ gốc 6.000.000đ là: 7.160.000đ.

Tổng cộng tiền lãi là 13.331.250đồng, được trừ số tiền lãi đã trả 2.220.000đồng, còn lại tiền lãi chưa trả là: $13.331.250đ - 2.220.000đ = 11.111.250đ$ ồng.

Nay cần buộc ông Ngô Văn M phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L gồm:

Tiền nợ gốc: 6.000.000đồng + Tiền lãi: 11.111.250đồng = 17.111.250đồng.

Đối với bà Ngô Thị H (vợ ông M) mặc dù có biết việc ông M vay tiền của gia đình ông D nhưng bà H khẳng định là ông M vay hộ người khác, bà H cũng nhất trí cùng ông M trả cho ông D, bà L khi những người mà ông M vay hộ trả tiền. Xét thấy việc bà H và ông M cùng thừa nhận vay tiền của gia đình ông D nhưng là vay hộ người khác, khi vay chỉ có ông M đứng ra vay và ký nợ với ông D. Vì vậy cần buộc cá nhân ông M phải có trách nhiệm trả cho ông D và bà L mà không cần buộc bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cùng ông M là có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông D và bà Lý được chấp nhận nên không phải chịu án phí DSST. Trả lại ông Phạm Văn D số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Miễn toàn bộ án phí DSST cho ông Ngô Văn M theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471; 474; 476 – Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Buộc ông Ngô Văn M phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là: 6.000.000đồng và tiền lãi: 11.111.250đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 17.111.250đồng.(Mười bảy triệu một trăm mười một ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Ngô Văn M.

Trả lại Phạm Văn D số tiền 634.000đồng (Sáu trăm ba mươi tư ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 04711 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- T.H.A huyện Việt Yên
- Các đ- ơng sự
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Văn Hợp